

Số: *391* /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *21* tháng *11* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp
công trình thủy lợi hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai
và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP, ngày 06 tháng 7 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên
tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và
Luật Đê điều;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 5360/TTr-SNN ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc phê duyệt Phương
án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Cầu Mới
tuyến V.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Long Thành, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch; Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn Đồng Nai; Giám đốc Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai, Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, Giám đốc Ban quản lý dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Phi);
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/662.QđpauphocaumoiV)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



PHƯƠNG ÁN

**Ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước
Cầu Mới tuyến V**

*(Kèm theo Quyết định số: 3191 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Cơ sở pháp lý

Việc thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V phải tuân thủ theo:

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
4. Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
5. Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
6. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;
7. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
8. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
9. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP, ngày 6 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
10. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn
 - a) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNPTNT - Công trình thủy lợi - các qui định chủ yếu về thiết kế.
 - b) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9845:2013 Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ.
 - c) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9147:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn.
 - d) Tiêu chuẩn kỹ thuật TCKT 03:2015/TCTL Công trình thủy lợi - Hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa nước trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập.
 - đ) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11699:2016 Công trình thủy lợi - Đánh giá an toàn đập.
 - e) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.

Điều 2. Khái quát về chủ sở hữu và tổ chức khai thác hồ chứa

1. Về chủ sở hữu hồ chứa.

a) Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251).3847292. Website: <http://www.dongnai.gov.vn>.

b) Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 3822970 - Fax: (0251) 3827393. Website: <http://sonongnghiep.dongnai.gov.vn>.

2. Tổ chức quản lý, khai thác hồ chứa: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai. Địa chỉ: 126 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 6297663. Website: <http://www.thuyloidongnai.vn>.

Điều 3. Khái quát về hồ chứa

1. Tên công trình: Hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V.

2. Loại và công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT - Thủy lợi hồ chứa nước. Công trình cấp III.

3. Đơn vị quản lý, khai thác công trình: Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai.

4. Nhiệm vụ của công trình: Cung cấp nước tưới cho 300 ha, cấp nước công nghiệp trong mùa khô là 55.000m³/ ngày đêm, trong mùa mưa là 23.000m³/ngày đêm.

5. Địa điểm xây dựng: xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ và Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

6. Thời điểm xây dựng và đưa hồ chứa vào khai thác sử dụng: công trình được khởi công xây dựng năm 2004 và hoàn thành đưa vào khai thác năm 2008.

7. Thông số kỹ thuật:

Bảng 1-1: Thông số kỹ thuật hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	THÔNG SỐ
1	Cấp công trình và tần suất thiết kế		
	Công trình đầu mối	Cấp	III (QCVN 04-05-2012)
	Tần suất tưới thiết kế	%	85
	Tần suất lũ thiết kế	%	1,5
	Tần suất lũ kiểm tra	%	0,5
2	Hồ chứa		
	Diện tích lưu vực	Km ²	44,5
	Mực nước chết (MNC)	m	66
	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	73

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	THÔNG SỐ
	Mực nước gia cường (MNGC)	m	74,59
	Dung tích hồ ứng với MNC	10^6m^3	1
	Dung tích hồ ứng với MNDBT	10^6m^3	9
	Dung tích hồ ứng với MNDGC	10^6m^3	11,98
	Diện tích mặt hồ ứng với MNC	Ha	47
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	Ha	177
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDGC	Ha	211,1
3	Đập chính		
	Kết cấu đập		Đồng chất
	Cao trình đỉnh đập	m	76,7
	Chiều cao đập lớn nhất	m	19
	Chiều dài đập	m	1311
4	Tràn xả lũ		
	Kết cấu		Bê tông cốt thép
	Hình thức tràn		Tràn tự do
	Cao trình ngưỡng tràn	m	73
	Chiều rộng tràn	m	50
	Cột nước tràn thiết kế	m	1,59
5	Cống lấy nước		
	Kết cấu		Bê tông cốt thép
	Cao trình ngưỡng cống	m	65,1
	Khẩu diện cống (bxh)	m	1,0x1,2
	Lưu lượng xả ($Q_{\max}$)	m^3/s	1
6	Nhà quản lý		
	Cấp		IV
	Diện tích sử dụng	m^2	171

Chương II

KỊCH BẢN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP HOẶC VỠ ĐẬP VÀ VẬN HÀNH HỒ CHỨA

Điều 4. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +73m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ dâng lên nhanh, nước qua tràn chảy tự do (tràn không có cửa van). Do mưa to kéo dài, mực nước hồ tiếp tục dâng cao và đạt đến MNLTK = +74,59m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò

rủ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo nội bộ và báo cáo Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ và các xã liên quan.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Cẩm Đường, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Quýt từ 0,04 m đến 1,86 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2,8 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 0 giờ 45 phút.

b) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,11 m đến 3,67 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 19,3 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 1 giờ 00 phút.

c) Cảng hàng không Quốc tế Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,02 m đến 5,96 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 50,4 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1,0m, các độ sâu ngập còn lại có diện tích ngập chên nhau không nhiều; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí này khoảng 2 giờ 30 phút.

d) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,83 m đến 2,65 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 76,5 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1,0m và 1,0m – 1,5m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 3 giờ 45 phút.

đ) Xã Long An, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 2,50 m đến 3,14 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 24,5 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 4 giờ 40 phút.

e) Xã Long Phước, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,10 m đến 1,77 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 173,9 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1,0m và 1,0m – 1,5m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 5 giờ 30 phút.

g) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,10 m đến 0,25 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 1,7 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 6 giờ 00 phút.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL 2.1 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNLTk vận hành xả lũ thiết kế.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng.

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 634 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, xã Cẩm Đường, Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể tại bản vẽ: No: 04CD-06-04-02 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết ở Phụ lục 4.

Điều 5. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối.

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNLTk = +74,59m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNLTk = +74,93m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai có thể giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Cẩm Đường, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Quýt từ 0,15 m đến 2,08 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 3,4 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5 m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 0 giờ 35phút.

b) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,11 m đến 3,67 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 19,7 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5 m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 0 giờ 55phút.

c) Cảng hàng không Quốc tế Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,17 m đến 6,11 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 54,3 ha, các độ sâu ngập có diện tích ngập chênh nhau không nhiều; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí này khoảng 2 giờ 30 phút.

d) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,83 m đến 2,65 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 78,9 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m - 1,0m và 1,0m - 1,5m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 3 giờ 35 phút.

đ) Xã Long An, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 2,62 m đến 3,31 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 29,4 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 4 giờ 30 phút.

e) Xã Long Phước, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,11 m đến 1,95 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 197,6 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 5 giờ 15 phút.

g) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,12 m đến 0,30 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 1,7 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 5 giờ 45 phút.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.2 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNLKT vận hành xả lũ kiểm tra.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: có khoảng 704 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, xã Cẩm Đường, Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể tại bản vẽ: No: 04CD-06-04-04 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết ở Phụ lục 4.

Điều 6. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +73m hoặc thấp hơn, ở thượng nguồn không có mưa, mực nước hồ không dâng lên nhưng các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thẩm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập vv...) gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại... làm cho mặt cắt đập mất

ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ đồng thời điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít, các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới, vài ngày tới, gây ra lũ lụt ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình, mưa lũ để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Cẩm Đường, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Quýt từ 1,08 m đến 3,87 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 10,6 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 0 giờ 25 phút.

b) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,11 m đến 3,67 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 24,1 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 0 giờ 40 phút.

c) Cảng hàng không Quốc tế Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 1,64 m đến 7,41 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 93,2 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu >3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí Cảng hàng không khoảng 2 giờ 00 phút.

d) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,83 m đến 2,73 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 98,1 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu >3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 2 giờ 35 phút.

đ) Xã Long An, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,52 m đến 4,39 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 79,0 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 2,0m -2,5m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 3 giờ 20 phút.

e) Xã Long Phước, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,75 m đến 3,19 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 584,3 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 3 giờ 55 phút.

g) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,45 m đến 0,83 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 20,3 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m -1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 4 giờ 30 phút.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.3 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Thực hiện vận hành theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 1902 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, xã Cẩm Đường, Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể theo bản vẽ: No: 04CD-06-04-06 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 7. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +73m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ dâng lên nhanh, nước qua tràn chảy tự do (tràn không có cửa van). Do mưa to kéo dài, mực nước hồ tiếp tục dâng cao và đạt đến MNLTk = +74,59m. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang, nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập vv...) gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới, lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình, mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Cẩm Đường, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Quýt từ 1,09 m đến 4,95 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 15,0 ha, các độ sâu ngập có diện tích ngập chênh nhau không đáng kể; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 0 giờ 15 phút.

b) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,11 m đến 3,67 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 27,0 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5 m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 0 giờ 25 phút.

c) Cảng hàng không Quốc tế Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 2,79 m đến 8,55 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 104,5 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu >3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí Cảng hàng không khoảng 1 giờ 40 phút.

d) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,83 m đến 3,08 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 109,5 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu >3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 1 giờ 50 phút.

đ) Xã Long An, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 4,43 m đến 5,20 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 102,8 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 2,0 m - 2,5m; thời gian truyền lũ

tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 2 giờ 55 phút.

e) Xã Long Phước, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 1,16 m đến 4,23 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 762,4 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5 m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 3 giờ 45 phút.

g) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,92 m đến 1,00 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 21,5 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5 m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 4 giờ 20 phút.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.4 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 2483 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, xã Cẩm Đường, Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể tại bản vẽ: No: 04CD-06-04-08 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư.

Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 8. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNLTK = +74,59m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNLKT = +74,93m. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thâm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập vv...) gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có hợp động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ đồng thời điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới, lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai Thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Cẩm Đường, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Quýt từ 1,11 m đến 5,00 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 15,5 ha, các độ sâu ngập có diện tích ngập chênh nhau không đáng kể; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 0 giờ 05 phút.

b) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,11 m đến 3,67 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 27,8 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 0 giờ 15 phút.

c) Cảng hàng không Quốc tế Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 2,82 m đến 8,59 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 105,4 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu >3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí này khoảng 1 giờ 30 phút.

d) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,83 m đến 3,11 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 110,9 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu >3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 1 giờ 40 phút.

đ) Xã Long An, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 4,46 m đến 5,22 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 105,5 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 2,0m - 2,5m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 2 giờ 40 phút.

e) Xã Long Phước, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 1,18 m đến 4,25 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 768,6 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 3 giờ 30 phút.

g) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,95 m đến 1,02 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 22,6 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m - 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V đến vị trí xã khoảng 4 giờ 10 phút.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.5 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Thực hiện vận hành theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 2500 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, xã Cẩm Đường, Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể tại bản vẽ: No: 04CD-06-04-10 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 9. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu hồ chứa; tổ chức khai thác hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn hồ chứa

1. Danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp bao gồm tất cả các tổ chức tham gia vào Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, thuộc mỗi cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng của đơn vị giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp. Chủ tịch hoặc trưởng đại diện của tổ chức, cơ quan và văn phòng của người giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, phân công cán bộ hành động sẵn sàng cho các trường hợp khẩn cấp khác nhau đảm bảo liên lạc nhanh trong các trường hợp khẩn cấp.

2. Các cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp chịu trách nhiệm về chuẩn bị danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp cho tổ chức, cơ quan hoặc văn phòng nơi làm việc.

3. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thu thập thông tin liên lạc và tổng hợp vào danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp của cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp.

Bảng 2-1: Danh bạ điện thoại các tổ chức nắm giữ kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
I	Cơ quan cấp tỉnh	

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
1	UBND tỉnh Đồng Nai	02513.822.517
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02513.822.939
3	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai	02513.823.177
4	Công an tỉnh Đồng Nai	02518.820.999
5	Sở Thông tin và Truyền thông	02513.810.339
6	Đài khí tượng thủy văn Đồng Nai	02513.894.050
II	Cơ quan cấp huyện	
II.1	Huyện Long Thành	
7	UBND huyện	02513.844.383
8	Ban chỉ huy quân sự huyện	02513.844.133
9	Công an huyện	02513.844.246
10	Phòng Kinh tế	02513.844.210
11	Phòng lao động thương binh xã hội	02513.844.278
12	Phòng Tài chính kế hoạch	02513.844.279
13	Phòng Quản lý đô thị	02513.524.816
14	Phòng Giáo dục và đào tạo	02513.544.913
15	Phòng Tài nguyên môi trường	02513.524.232
16	Trung tâm y tế	02513.546.157
17	Phòng Văn hóa thông tin	02513.844.178
18	Trung tâm viễn thông huyện	02513.501.555
19	Đài truyền thanh huyện	02513.844.182
II.2	Huyện Cẩm Mỹ	
20	UBND huyện	02513.878.565
21	Ban chỉ huy quân sự huyện	02513.878.632
22	Công an huyện	02513.878.581
23	Phòng Nông nghiệp và PTNT	02513.878.629
24	Phòng lao động thương binh xã hội	02513.878.565
25	Phòng Tài chính kế hoạch	02513.844.279
26	Phòng Kinh tế hạ tầng	02513.879.576
27	Phòng Giáo dục và đào tạo	02513.798.575
28	Phòng Tài nguyên môi trường	02513.878.631
29	Trung tâm y tế huyện	02513.878.519
30	Phòng Văn hóa thông tin	02513.878.628
31	Trung tâm viễn thông huyện	02513.878.000
32	Đài truyền thanh huyện	02513.798.656
II.3	Huyện Nhơn Trạch	
33	UBND huyện	02513.521.358
34	Ban chỉ huy quân sự huyện	02513.521.079
35	Công an huyện	02513.521.047
36	Phòng kinh tế huyện	02513.521.358
37	Phòng lao động thương binh xã hội	02513.521.118
38	Phòng Tài chính kế hoạch	02513.848.915

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
39	Phòng Quản lý đô thị	02513.521.070
40	Phòng Giáo dục và đào tạo	02513.521.094
41	Phòng Tài nguyên môi trường	02513.521.028
42	Trung tâm y tế huyện	02513.521.156
43	Phòng văn hóa thông tin	02513.521.088
44	Trung tâm viễn thông huyện	02513.540.000
45	Đài truyền thanh huyện	02513.521.775
III	Cơ quan cấp xã	
46	UBND xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	02513.710.333
47	UBND xã Cẩm Đường, huyện Long Thành	02513.535.662
48	UBND xã Bàu Cạn, huyện Long Thành	02513.553.021
49	UBND xã Long An, huyện Long Thành	02513.525.615
50	UBND xã Long Phước, huyện Long Thành	02513.558.955
51	UBND xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	02513.571.631
IV	Đơn vị khác	
52	Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	
53	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai	02516.297.663
54	Trạm khai thác Công trình thủy lợi Long Thành	02513.844.817

Điều 10. Quy định phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng

1. Mức độ khẩn cấp được phân loại tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 và được Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai căn cứ vào giám sát hiện trường, theo dõi khí tượng thủy văn để xác định được mức độ khẩn cấp, từ đó đưa ra được các hành động ứng phó phù hợp với các mức khẩn cấp từ 1 đến 4.

2. Mức độ khẩn cấp được phân loại theo tính nghiêm trọng và cấp bách. Hệ thống phân loại khẩn cấp là một phương tiện để phân loại các sự kiện khẩn cấp theo thời gian khác nhau xảy ra và với những mức độ khác nhau về sự nghiêm trọng. Hệ thống phân loại cho thấy tính cấp bách của điều kiện khẩn cấp, gồm 4 cấp độ khẩn cấp như sau:

a) Báo động cấp 1 (Đề phòng): Là khi không có nguy hiểm về một sự cố đập, lũ xảy ra chưa ảnh hưởng khu vực hạ lưu. Trường hợp này, đơn vị quản lý vận hành hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V có thể giải quyết một cách nội bộ và công bố báo động cấp 1 cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V và tỉnh Đồng Nai.

b) Báo động cấp 2 (Sẵn sàng): Tình trạng báo động cấp 1 tiếp tục phát triển, tốc độ phát triển nhanh. Nó xảy ra chỉ khi vẫn còn thời gian để phân tích,

các quyết định được đưa ra thêm nhằm khắc phục sự cố. Trường hợp này, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ.

c) Báo động cấp 3 (Hành động khẩn cấp): Tình trạng báo động 2 tiếp tục phát triển, đó là khi "Ít thời gian" để phân tích, quyết định nhằm giảm thiểu trước khi hạ lưu đập bị ảnh hưởng. Đập bị đe dọa nghiêm trọng. Điều kiện này được công bố khi vẫn còn thời gian để cố gắng ngăn chặn sự cố xảy ra bằng các biện pháp khắc phục. Trường hợp này thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng. Chuẩn bị di tản.

d) Báo động cấp 4 (Vỡ đập hoặc lũ lớn và sơ tán): lũ thiết kế đang xảy ra, hoặc đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới. Đó là khi "hết thời gian" để phân tích. Lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4. Tổ chức di tản.

2. Khi có báo động Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thông báo cho các tổ chức cá nhân ứng với mỗi cấp độ báo động được mô tả như bảng Bảng 2-2:

Bảng 2-2: Danh sách được thông báo ứng với mỗi cấp độ báo động

STT	Các tổ chức được thông báo	Cấp báo động			
		1	2	3	4
I	Cơ quan cấp tỉnh				
1	Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đồng Nai	+	+	+	+
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	+	+	+	+
3	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai			+	+
4	Công an tỉnh Đồng Nai			+	+
5	Sở Thông tin và Truyền thông	+	+	+	+
6	Đài khí tượng thủy văn Đồng Nai	+	+	+	+
II	Cơ quan cấp huyện				
7	Ban chỉ huy PCTT&TKCN huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch	+	+	+	+
8	Ban chỉ huy quân sự huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
9	Công An huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
10	Phòng kinh tế/ Nông nghiệp và PTNT huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
11	Phòng lao động TBXH huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
12	Phòng TC-KH huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
13	Phòng quản lý đô thị huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+

STT	Các tổ chức được thông báo	Cấp báo động			
		1	2	3	4
14	Phòng giáo dục và đào tạo huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
15	Phòng TNMT huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
16	Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
17	Phòng văn hóa thông tin huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch	+	+	+	+
18	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh		+	+	+
19	Trung tâm Viễn thông huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch	+	+	+	+
20	Đài truyền thanh huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch	+	+	+	+
21	Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
III	Cơ quan cấp xã				
22	UBND xã Thừa Đức huyện Cẩm Mỹ, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
23	UBND xã Cẩm Đường huyện Long Thành, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
24	UBND xã Bàu Cạn huyện Long Thành, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
25	UBND xã Long An huyện Long Thành, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
26	UBND xã Long Phước huyện Long Thành, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
27	UBND xã Long Thọ huyện Nhơn Trạch, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
28	Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	+	+	+	+

a) Đối với cấp báo động 1: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 1 (đề phòng) tại Sơ đồ 5.1 của Phụ lục 5.

b) Đối với cấp báo động 2: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 2 (sẵn sàng) tại Sơ đồ 5.2 của Phụ lục 5.

c) Đối với cấp báo động 3: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 3 (hành động khẩn cấp) tại Sơ đồ 5.3 của Phụ lục 5.

d) Đối với cấp báo động 4: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 4 (vỡ đập hoặc lũ lớn và phương án di tản) tại Sơ đồ 5.5 của Phụ lục 5.

3. Phương tiện thông báo: Điện thoại, vô tuyến điện, đài phát thanh, truyền hình, thư, email, còi, loa, keng vv... sao cho phù hợp với tình hình hiện tại của khu vực nhiên cứu và có sự thống nhất với địa phương.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC KHAI THÁC HỒ CHỨA, CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 11. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

1. Chuẩn bị kế hoạch phòng chống lũ lụt hàng năm trình Sở Nông nghiệp & PTNT phê duyệt, thực hiện các kế hoạch theo sự phê duyệt của Sở Nông nghiệp & PTNT.

2. Chỉ đạo việc Kiểm tra hiện trạng các hạng mục công trình; vận hành, duy tu bảo dưỡng theo các quy trình hiện hành.

3. Bố trí cơ sở làm việc cho Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp tại vị trí thuận tiện có đủ điều kiện để điều hành thực hiện Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp.

4. Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai thực hiện công tác dự báo thủy văn cho công trình.

6. Phát hiện, phân loại tình trạng khẩn cấp, vận hành an toàn công trình trong trường hợp khẩn cấp, điều phối lực lượng cứu hộ để hạn chế, triệt tiêu tình trạng khẩn cấp và hạn chế đến mức thấp nhất tác hại xảy ra cho đập.

7. Theo dõi và đánh giá diễn biến tình hình tại hồ và đập. Trong trường hợp có sự cố đe dọa, phải kịp thời đánh giá mức độ nguy hiểm. Nếu sự cố xảy ra, trao đổi ngay với Trưởng Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V và báo cáo Trưởng Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để chuyển trạng thái vận hành đập từ vận hành bình thường sang vận hành khẩn cấp.

8. Lập các báo cáo về tình huống khẩn cấp.

9. Nhanh chóng giúp đỡ cư dân ở ngay hạ lưu đập sơ tán trong trường hợp lũ lớn hoặc vỡ đập sắp xảy ra.

Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa, đặc biệt là việc vận hành xả lũ của hồ chứa.

2. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình theo thẩm quyền.

Điều 13. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai

1. Chỉ đạo ngành dọc lực lượng quân đội phụ trách tìm kiếm cứu nạn;

2. Chỉ viện lực lượng quân đội, trong trường hợp báo động cấp 3 hoặc 4, theo yêu cầu của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

3. Tham gia vào diễn tập và thực hành Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp theo đề nghị của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai.

Điều 14. Công an tỉnh Đồng Nai

1. Chỉ đạo ngành dọc lực lượng công an đảm bảo an ninh trật tự khi bão lũ xảy ra.

2. Chi viện lực lượng công an, trong trường hợp báo động cấp 3 hoặc 4, theo yêu cầu của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và cứu nạn cấp tỉnh.

3. Tham gia vào diễn tập và thực hành Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp theo đề nghị của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai.

Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông Đồng Nai

1. Đảm bảo sự liên lạc giữa các thành viên của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn UBND các cấp, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai và Trạm Khai thác công trình thủy lợi huyện Long Thành, các cán bộ quan trọng cần liên lạc với các bộ ngoài hiện trường và ở các khu vực khác;

2. Khi UBND tỉnh ban hành lệnh sơ tán, Sở thông tin và truyền thông Đồng Nai chịu trách nhiệm thông tin liên lạc lệnh sơ tán này tới tất cả các cơ quan và tổ chức ở hạ lưu. Nhân viên công ty viễn thông sẽ tham gia vào diễn tập và thực hành Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai.

Điều 16. Sở Xây dựng

1. Tổ chức kiểm tra các điểm tránh, trú, di tản trước, trong và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp hướng dẫn sửa chữa, gia cố kịp thời các điểm tránh, trú, di tản để đảm bảo an toàn cho người dân, tài sản tại nơi tránh, trú, di tản;

2. Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan trong công tác ứng phó tình huống khẩn cấp.

Điều 17. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước.

2. Tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường; điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm, tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và phục hồi môi trường nhằm hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

Điều 18. Sở Công Thương

1. Đảm bảo cấp điện trong điều kiện bão lũ hoặc trường hợp khẩn cấp;

2. Tham gia vào diễn tập và thực hành Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp.

Điều 19. Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện kiểm tra và tổ chức ứng phó trong tình huống khẩn cấp gây ách tắc giao thông.

2. Tổ chức kiểm tra các tuyến đường di tản theo phương án ứng phó, trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp kịp thời duy tu, sửa chữa để phục vụ di tản người dân, tài sản đến nơi an toàn;

3. Phối với các địa phương, đơn vị huy động thiết bị, phương tiện cơ giới trên đại bàn tỉnh hỗ trợ sửa chữa những thiệt hại cho đập và các công trình liên quan trong điều kiện khẩn cấp hoặc nguy hiểm.

4. Tham gia lực lượng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra tình huống khẩn cấp.

Điều 20. Sở Y tế

1. Xác định nơi triển khai lực lượng y tế, thiết bị và vật tư y tế trong điều kiện khẩn cấp.

2. Giải quyết các vấn đề về y tế có liên quan sau khi xảy ra điều kiện khẩn cấp.

3. Cung cấp vật tư, thiết bị y tế và nhân viên trong điều kiện khẩn cấp khi người dân ở khu vực đập và những người ở hạ lưu có thể bị thương.

4. Bố trí lực lượng tham gia vào diễn tập và thực hành Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp.

Điều 21. Sở Giáo dục đào tạo

1. Tổng hợp nhu cầu nâng cấp, kiên cố hóa trường học sau thiên tai từ các cơ sở giáo dục trong địa bàn tỉnh để báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền.

2. Tổ chức lồng ghép tuyên truyền về các biện pháp phòng chống thiên tai.

Điều 22. Đài Khí tượng Thủy văn Đồng Nai

Thông báo điều kiện khí tượng thủy văn trước khi, trong khi và sau khi lũ, cung cấp các dữ liệu và thông tin cho các thành viên của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai và Trạm Khai thác công trình thủy lợi huyện Long Thành, gồm: Dữ liệu lượng mưa và dòng chảy ở lưu vực; Ước tính tần suất lượng mưa; Dữ liệu dòng chảy đến hồ; Thông tin và dữ liệu về lượng mưa và dự báo lũ.

Điều 23. Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai

1. Khi nhận được báo động từ Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai, Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai truyền phát đi những thông tin báo động ứng phó khẩn cấp cho người dân trong khu vực bị ảnh hưởng có biện pháp cần thiết để giảm thiểu thiệt hại và sinh mạng do lũ lớn hoặc do vỡ đập.

2. Khi nhận được thông báo lệnh sơ tán của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai, Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai phát đi thông tin sơ tán cho người dân ở hạ lưu đập biết để chuẩn bị sẵn sàng sơ tán.

3. Tổ chức tuyên truyền thông tin về lượng mưa, lũ, điều kiện an toàn của đập, hồ chứa.

Điều 24. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Chỉ đạo Ban quản lý dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành phối hợp với Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện tổ chức ứng phó trong tình huống khẩn cấp và sơ tán nhân viên, bảo vệ tài sản và cơ sở hạ tầng trong phạm vi Cảng hàng không Quốc tế Long Thành.

Điều 25. Ban quản lý dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành

Tổ chức và sơ tán nhân viên, bảo vệ tài sản và cơ sở hạ tầng trong phạm vi do đơn vị mình quản lý.

Điều 26. Ủy ban nhân các huyện: Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch

1. Chuẩn bị hậu cần để thực hiện kế hoạch ứng phó khẩn cấp, chuẩn bị nhân lực ở khu vực và các thiết bị cần thiết để đảm bảo an toàn cho đập.

2. Thông báo và tổ chức hậu cần, bố trí nhân lực, ra lệnh những người ở hạ lưu sơ tán như thế nào khi Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh công bố thứ tự các mức báo động 3 và 4.

3. Tổ chức và giám sát việc cứu nạn lũ lụt và các phương tiện vận tải để hỗ trợ quá trình sơ tán trong trường hợp Mức báo động 3 hoặc 4.

4. Khi tình hình khẩn cấp đã giảm, chịu trách nhiệm hướng dẫn các công việc dọn dẹp và khắc phục tiếp sau đó.

Điều 27. Ủy ban nhân dân các xã

Tổ chức và sơ tán người dân trong địa bàn xã.



Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số: 3191 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 1 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA HÌNH, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (LƯỢNG MƯA, MÙA MƯA, LƯU LƯỢNG LŨ LỚN NHẤT...), THẨM THỰC VẬT LƯU VỰC HỒ CHỨA THEO THIẾT KẾ; CÁC HÌNH THÁI THIÊN TAI CÓ THỂ XẢY RA TRONG LƯU VỰC HỒ CHỨA

1. Địa hình lưu vực hồ chứa.

Lưu vực hồ Cầu Mới Tuyến V bắt nguồn từ các nhánh suối nhỏ từ các đồi cao có cao trình mặt đất tự nhiên khoảng +300m.

Lưu vực Cầu Mới Tuyến V có hình dạng thon dài. Lưu vực có phần thượng lưu nhỏ hẹp, mở rộng dần phía hạ lưu, và độ dốc sườn không lớn.

Lưu vực có tính chất địa hình vùng đồi, độ dốc lưu vực không lớn, đoạn thượng nguồn có độ dốc lớn hơn so với nửa phần hạ lưu lưu vực - phần hạ lưu có độ dốc soài đều. Tầng phủ chủ yếu là cây bụi, phân bố dòng chảy giữa mùa mưa và mùa khô chênh lệch rất lớn. Mùa kiệt, theo điều tra thực địa thì dòng chảy có nhưng cũng khá nhỏ; còn mùa lũ quá trình tập trung dòng chảy lũ khá nhanh.

2. Khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất...)

a) Đặc điểm khí hậu

Đồng Nai nói chung và khu vực công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI nói riêng thuộc vùng Đông Nam Bộ mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa: nóng ẩm và mưa nhiều, hàng năm khí hậu phân hóa thành 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô.

Mùa mưa từ tháng V đến tháng X: Lượng mưa mùa này chiếm tỷ lệ 85 ÷ 90% lượng mưa cả năm. Đây cũng là thời kỳ có những đợt mưa lớn do hoạt động của các dải hội tụ nhiệt đới, các vùng khí áp thấp và ảnh hưởng của bão Biển Đông.

Mùa khô từ tháng XI đến tháng IV năm sau: Lượng mưa trong mùa này chỉ chiếm 10 ÷ 15% lượng mưa cả năm. Thời tiết trong mùa này chủ yếu là nắng nóng, nhất là các tháng cuối mùa (tháng III, IV).

b) Mưa năm trên lưu vực

Lưu vực hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V với $F_{lv} = 44,5 \text{ km}^2$, kết quả tính toán lượng mưa lưu vực hồ Cầu Mới tuyến V như sau:

Bảng 1.1: Lượng mưa trung bình tháng tại lưu vực hồ Cầu Mới tuyến V

(Đơn vị: mm)

TT	Năm	Tháng												Cả năm
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
1	1978	0,0	0,0	0,0	48,1	112,0	143,1	314,2	407,6	351,2	304,7	113,8	7,4	1802,1
2	1979	0,0	0,0	0,7	79,2	98,8	361,3	234,2	161,9	220,7	152,1	131,6	29,2	1469,7
3	1980	2,0	0,0	0,0	8,5	300,5	398,8	240,4	357,3	228,3	332,7	18,7	0,0	1887,2
4	1983	0,0	0,0	0,0	5,5	166,6	228,8	482,1	437,5	235,0	1063,1	339,6	33,3	2991,5

TT	Năm	Tháng												Cả năm
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
5	1984	64,6	0,0	24,7	61,7	204,3	358,9	661,8	466,4	297,3	518,4	187,6	8,7	2854,4
6	1985	23,4	53,2	20,5	149,2	102,8	167,4	268,7	324,4	373,9	421,2	148,0	71,5	2124,2
7	1986	11,2	47,9	0,0	33,7	235,1	200,8	327,0	487,5	713,9	242,1	67,0	13,0	2379,2
8	1987	0,2	0,2	0,0	15,7	73,5	246,5	335,1	294,7	268,5	208,9	91,5	15,0	1549,8
9	1988	1,2	28,8	8,1	61,1	197,0	255,3	173,6	189,9	212,9	255,4	198,0	0,2	1581,5
10	1989	0,0	0,0	142,5	80,6	251,9	419,6	348,6	498,1	304,4	309,6	23,5	0,0	2378,8
11	1990	3,5	0,0	1,9	29,0	163,4	378,9	258,5	375,7	312,2	462,8	143,5	12,3	2141,7
12	1991	0,0	0,0	41,4	85,4	55,1	280,9	442,5	290,6	244,2	213,6	8,4	0,1	1662,2
13	1992	2,8	0,0	0,0	103,4	103,7	240,7	338,9	594,3	281,3	279,6	48,4	0,0	1993,1
14	1993	1,2	0,0	39,6	25,5	284,9	197,4	343,7	220,1	373,1	219,6	91,6	67,6	1864,3
15	1994	0,0	0,2	35,1	152,4	121,6	418,1	218,2	298,6	522,3	307,1	27,3	11,5	2112,4
16	1995	14,5	0,0	4,0	0,0	261,6	218,5	262,0	312,7	401,1	192,6	113,8	89,6	1870,4
17	1996	14,4	0,0	0,0	48,5	218,5	308,7	356,9	264,0	412,4	208,7	262,5	38,9	2133,5
18	1997	0,0	21,0	0,0	154,3	253,4	213,3	386,2	277,6	284,1	225,7	121,7	44,2	1981,5
19	1998	0,0	0,0	0,0	91,5	343,7	67,6	265,9	310,9	514,1	341,5	243,6	138,5	2317,3
20	1999	47,0	10,1	2,3	310,2	339,0	333,1	395,8	224,1	267,9	160,1	308,0	18,7	2416,3
21	2000	22,7	33,4	60,0	99,2	161,3	322,2	421,5	337,7	244,6	555,6	171,2	123,9	2553,3
22	2001	0,5	0,3	49,4	42,6	189,2	357,6	386,6	449,2	334,1	156,4	112,3	15,6	2093,8
23	2002	0,0	1,6	0,2	12,8	95,5	408,9	248,3	401,5	289,4	327,9	69,5	127,3	1982,9
24	2003	0,0	0,0	2,5	33,1	412,4	109,8	278,1	223,0	681,4	350,4	57,6	6,1	2154,4
25	2004	0,1	0,0	0,0	21,7	306,9	473,2	285,5	305,5	253,5	283,2	79,2	24,9	2033,7
26	2005	0,0	0,0	0,8	21,7	266,3	304,4	426,9	238,1	209,6	288,4	182,2	127,3	2065,7
27	2006	4,0	60,0	7,3	64,1	144,8	213,7	287,3	532,6	176,7	199,8	75,8	106,6	1872,7
28	2007	2,9	0,0	76,8	17,0	278,8	246,5	366,1	344,4	445,9	258,7	205,3	1,7	2244,1
29	2008	8,1	8,4	12,5	86,9	382,4	162,1	336,9	266,7	433,8	211,0	160,0	25,4	2094,2
30	2009	0,6	91,2	102,6	173,7	240,8	238,9	265,3	367,1	489,2	269,1	43,3	19,8	2301,6
31	2010	27,2	0,0	72,0	29,8	60,1	237,5	307,0	262,0	474,2	612,0	420,4	5,6	2507,8
32	2011	0,0	0,0	0,0	0,0	406,6	316,6	377,2	333,3	351,0	131,2	175,2	53,4	2144,5
33	2012	0,0	0,0	0,0	0,0	140,3	209,7	453,9	177,1	501,2	94,1	70,8	4,2	1651,3
34	2013	0,0	0,0	0,0	0,0	83,9	279,2	149,7	250,3	187,9	198,3	65,6	1,7	1216,6
35	2014	0,0	0,0	0,0	20,0	165,2	324,2	271,6	88,2	206,5	143,0	46,9	40,2	1305,8
36	2015	0,0	0,0	0,0	0,0	186,7	215,2	174,6	286,8	342,4	200,2	35,0	0,3	1441,2
37	2016	0,0	0,0	0,0	4,0	304,0	332,4	377,0	324,4	277,0	372,1	114,2	90,7	2195,8
38	2017	37,6	47,9	1,7	91,8	307,9	300,6	377,4	360,1	230,8	347,9	135,5	59,4	2298,6
39	2018	60,0	0,0	0,0	33,1	181,7	268,8	361,8	285,0	553,4	319,8	57,5	0,0	2121,1
40	2019	2,3	0,0	0,0	22,8	277,3	241,0	228,0	265,9	323,1	174,7	89,8	0,0	1624,9
41	2020	0,0	1,4	0,0	113,4	79,1	406,9	208,1	297,2	246,2	257,7	55,6	48,2	1713,8

TT	Năm	Tháng												Cả năm
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
TB		8,6	9,9	17,2	59,3	208,7	278,2	323,0	321,7	343,2	296,9	124,7	36,1	2027,5

Tuy lượng mưa hàng năm khá dồi dào, song phân bố trong năm rất không đều, lượng mưa tập trung chủ yếu vào các tháng mùa mưa, từ tháng V đến tháng X, chiếm tỷ lệ 87,4% tổng lượng mưa năm. Tháng mưa nhiều nhất là tháng IX: đạt 343,2 mm/tháng. Mùa khô, từ tháng XI đến tháng IV năm sau, mưa ít nhất vào tháng I, II, lượng mưa trung bình hàng tháng dưới 10mm.

c) Mưa gây lũ trên lưu vực

Trong mùa mưa thường xảy ra trận mưa kéo dài từ một đến vài ngày với cường độ mưa lớn, gây ra những trận lũ. Với vùng có địa hình dốc, những trận mưa này tạo ra lượng mưa lớn, tập trung nhanh. Kết quả tính toán lượng mưa 1, 3, 5, 7 ngày lớn nhất theo các tần suất như sau:

Bảng 1.2: Các thông số thống kê và lượng mưa 1, 3, 5, 7 ngày lớn nhất thiết kế các trạm

Đặc trưng mưa ngày	Các thông số thống kê			Lượng mưa thiết kế (mm)								
	Xtb (mm)	Cv	Cs	P= 0,2%	P= 0,5%	P= 1%	P= 1,5%	P= 2%	P= 3%	P= 5%	P= 10%	P= 20%
1max	101,7	0,32	1,08	238,6	217,8	201,7	192,2	185,3	175,5	162,9	145,0	125,8
3max	155,2	0,32	1,28	376,1	341,0	314,1	298,2	286,9	270,7	250,1	221,2	190,8
5max	193,4	0,31	1,69	488,1	437,3	399,0	376,7	360,9	338,6	310,4	272,0	232,9
7max	233,1	0,34	1,94	644,4	570,4	515,1	483,1	460,5	428,8	389,2	335,8	282,4

d) Dòng chảy lũ đến lưu vực hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V

Lưu vực nghiên cứu có diện tích nhỏ ($FVI = 44,5 \text{ km}^2$). Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9845:2013 sử dụng công thức Cường độ giới hạn để tính lưu lượng lớn nhất cho lưu vực có diện tích nhỏ hơn 100 km^2 . Kết quả tính toán dòng chảy lũ như sau:

Bảng 1.3: Các đặc trưng lưu vực hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V

Đặc trưng lưu vực	Giá trị	Đơn vị
Diện tích	44,5	km^2
Chiều dài sông chính	14,6	km
Tổng chiều dài sông nhánh	8,0	km
Độ dốc lòng sông	6,57	‰
Độ dốc trung bình lưu vực	46,6	‰

Bảng 1.4: Đặc trưng dòng chảy lũ lớn nhất lưu vực hồ Cầu Mới tuyến V theo công thức Cường độ giới hạn

Đặc trưng	Tần suất thiết kế						
	P=10%	P=5,0%	P=2,0%	P=1,5%	P=1,0%	P=0,5%	P=0,2%

Đặc trưng	Tần suất thiết kế						
	P=10%	P=5,0%	P=2,0%	P=1,5%	P=1,0%	P=0,5%	P=0,2%
F(km ²)	44,5	44,5	44,5	44,5	44,5	44,5	44,5
Hệ số dòng chảy φ	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70
Ap	0,041	0,043	0,046	0,051	0,052	0,060	0,065
Hp(mm)	145,0	162,9	185,3	192,2	201,7	217,8	238,6
Q _{maxP} (m ³ /s)	185,7	220,3	264,4	305,5	325,4	404,6	485,7
W _{maxP} (10 ⁶ m ³)	4,516	5,074	5,773	5,987	6,284	6,784	7,434
Tlũ (giờ)	36,3	34,4	32,6	29,3	28,9	25,1	22,9
Tl (giờ)	6,1	5,7	5,4	4,9	4,8	4,2	3,8
Tx (giờ)	30,3	28,7	27,2	24,4	24,0	20,9	19,1

Bảng 1.5: Quá trình lũ đến hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V ứng với các tần suất thiết kế theo kết quả Cường độ giới hạn (đơn vị: m³/s)

STT	Lưu lượng lũ giờ ứng với các tần suất khác nhau, Qp(m ³ /s)						
	P=10%	P=5,0%	P=2,0%	P=1,5%	P=1,0%	P=0,5%	P=0,2%
1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
2	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3	0,4	0,5
3	4,3	5,1	6,1	7,0	7,5	9,3	11,2
4	23,2	27,5	33,0	38,2	40,7	50,6	60,7
5	58,5	69,4	83,3	96,2	102,5	127,4	153,0
6	100,3	118,9	142,8	165,0	175,7	218,5	262,3
7	138,0	163,7	196,4	227,0	241,8	300,6	360,9
8	165,5	196,3	235,6	272,2	290,0	360,5	432,7
9	181,1	214,8	257,8	297,9	317,3	394,5	473,5
10	185,7	220,3	264,4	305,5	325,4	404,6	485,7
11	181,8	215,6	258,8	299,1	318,6	396,1	475,5
12	172,0	204,0	244,8	282,9	301,3	374,7	449,7
13	158,2	187,7	225,3	260,3	277,3	344,7	413,8
14	142,6	169,2	203,1	234,6	249,9	310,7	373,0
15	126,3	149,8	179,8	207,8	221,3	275,1	330,3
16	110,3	130,8	157,0	181,5	193,3	240,3	288,5
17	95,3	113,0	135,6	156,7	166,9	207,6	249,2
18	81,5	96,7	116,1	134,1	142,9	177,6	213,2
19	69,3	82,2	98,6	114,0	121,4	150,9	181,2
20	58,5	69,4	83,3	96,2	102,5	127,4	153,0
21	40,9	48,5	58,2	67,2	71,6	89,0	106,8
22	28,0	33,3	39,9	46,1	49,1	61,1	73,3
23	19,1	22,7	27,2	31,5	33,5	41,7	50,0
24	12,8	15,2	18,2	21,1	22,5	27,9	33,5
25	8,5	10,1	12,2	14,1	15,0	18,6	22,3
26	3,0	3,5	4,2	4,9	5,2	6,5	7,8

STT	Lưu lượng lũ giờ ứng với các tần suất khác nhau, $Q_p(m^3/s)$						
	P=10%	P=5,0%	P=2,0%	P=1,5%	P=1,0%	P=0,5%	P=0,2%
27	0,9	1,1	1,3	1,5	1,6	2,0	2,4
28	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3	0,4	0,5
29	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
30	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Max	185,7	220,3	264,4	305,5	325,4	404,6	485,7

3. Các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa bao gồm: Áp thấp nhiệt đới, bão; Lốc, sét, mưa đá và sương mù; Mưa lớn, lũ và ngập lụt; Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy; Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn; Nước dâng, triều cường; Động đất.

Chương II ĐẶC ĐIỂM VÙNG HẠ DU HỒ CHỨA

1. Địa hình vùng hạ du hồ chứa.

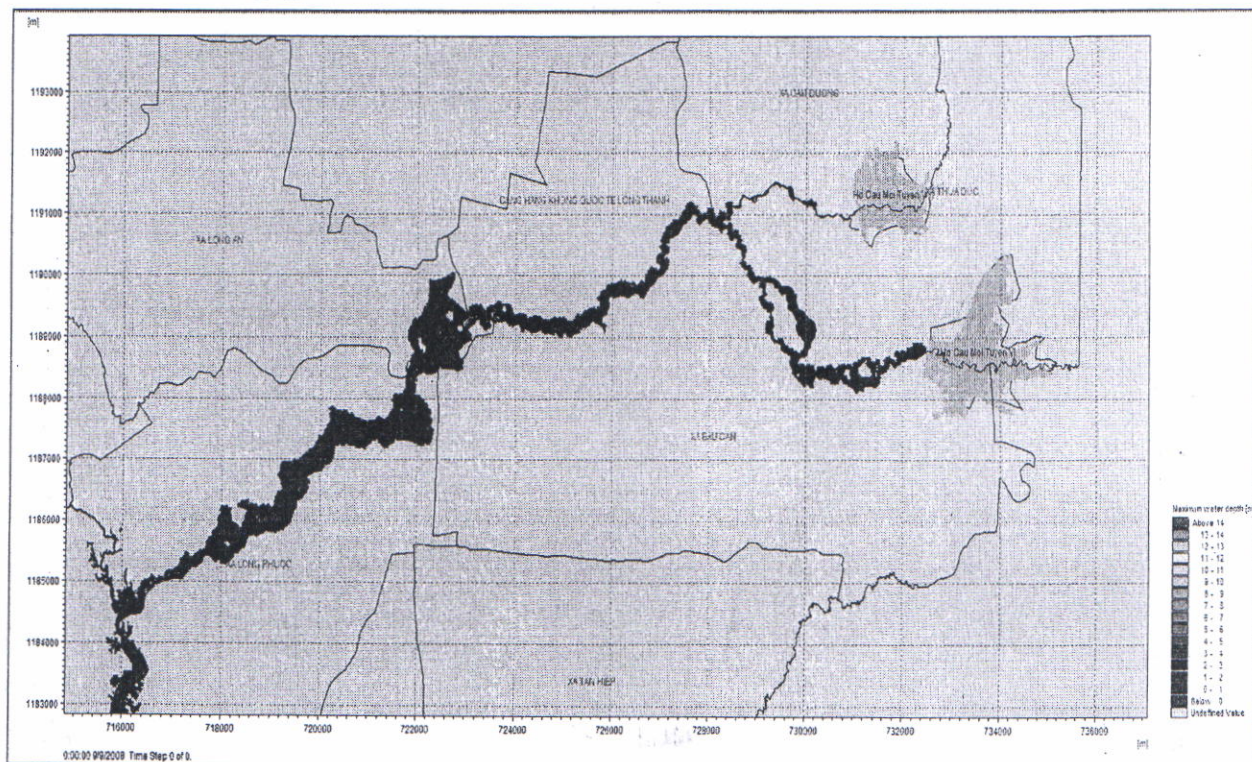
Phạm vi vùng hạ du đập chính hồ Cầu Mới Tuyến V đến hết suối Cả đổ ra sông Thị Vải thuộc hai huyện Cẩm Mỹ và Long Thành tỉnh Đồng Nai.

Vùng chịu ảnh hưởng bao gồm từ chân đập chính hồ Cầu Mới Tuyến V đến hết suối Cả đổ ra sông Thị Vải. Phạm vi nghiên cứu khoảng 28,05 km trong đó có các xã có khả năng bị ảnh hưởng, đó là Thừa Đức huyện Cẩm Mỹ, xã Cẩm Đường, xã Suối Trầu (cũ) nay là Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Bàu Cạn, Long An, Long Phước huyện Long Thành và Long Thọ huyện Nhơn Trạch.

2. Dân cư vùng hạ du hồ chứa.

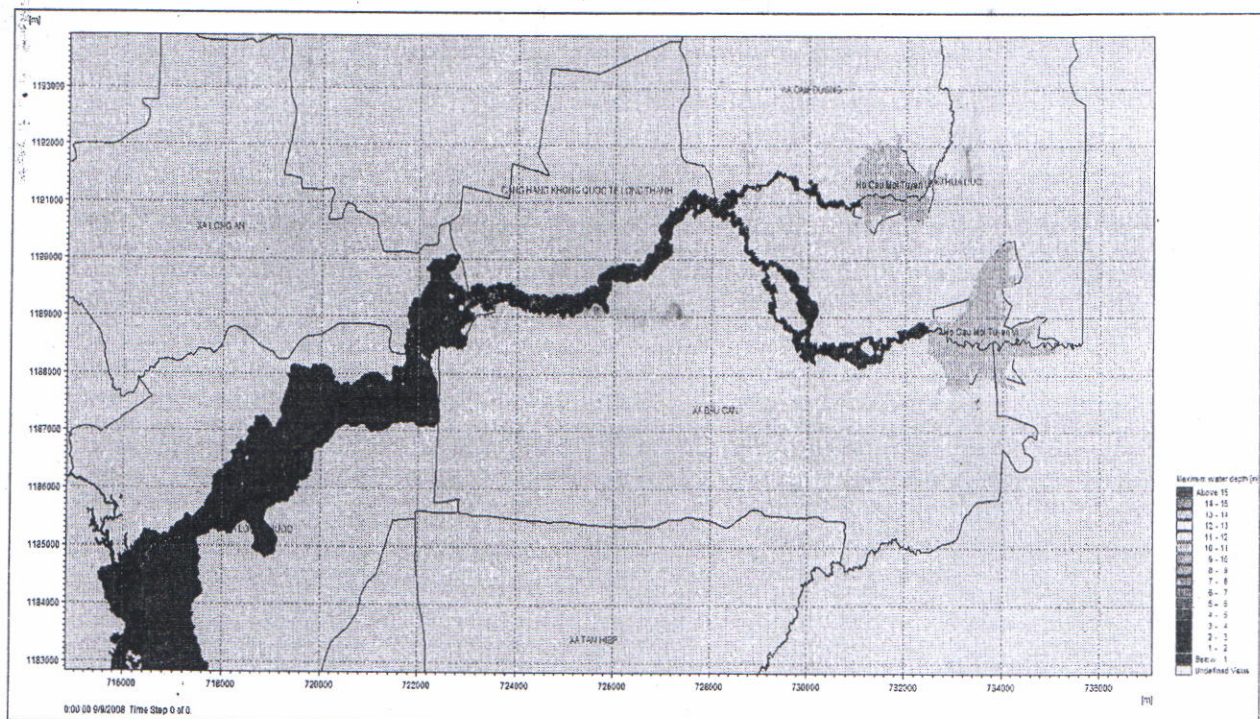
Trong phạm vi vùng chịu ảnh hưởng của hồ chứa nước Cầu Mới tuyến V có khoảng 2500 hộ dân. Số hộ dân thuộc vùng ảnh hưởng phân bố ở các xã Cẩm Đường (huyện Long Thành), Thừa Đức (huyện Cẩm Mỹ), Cảng hàng không quốc tế Long Thành (trước đây thuộc xã Suối Trầu, huyện Long Thành), Bàu Cạn (huyện Long Thành), Long An (huyện Long Thành), Long Phước (huyện Long Thành), Long Thọ (huyện Nhơn Trạch) trong đó xã Long Phước (huyện Long Thành) tập trung nhiều nhất với khoảng 1911 hộ (chiếm khoảng 76%).

3. Bản đồ ngập lụt kịch bản xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%



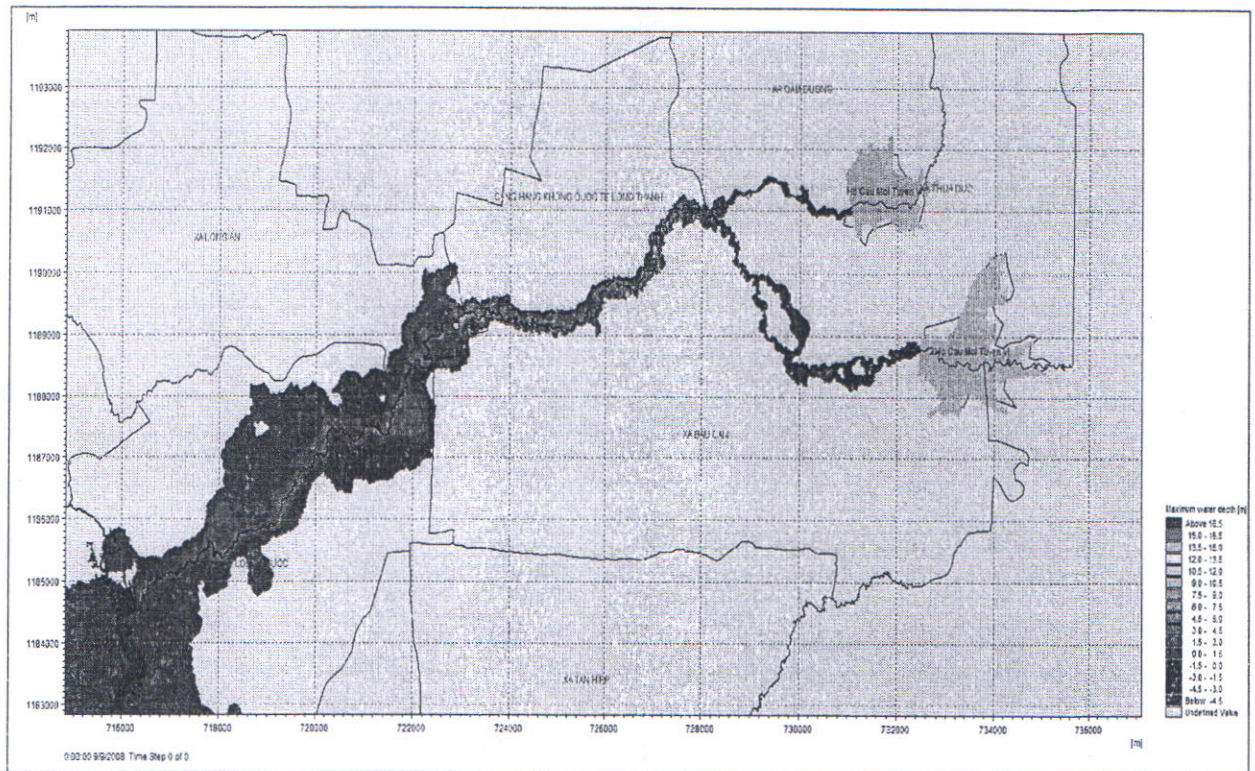
Chi tiết xem bản vẽ No: 04CD-06-04-03.

4. Bản đồ ngập lụt kịch bản vỡ đập ngày nắng.



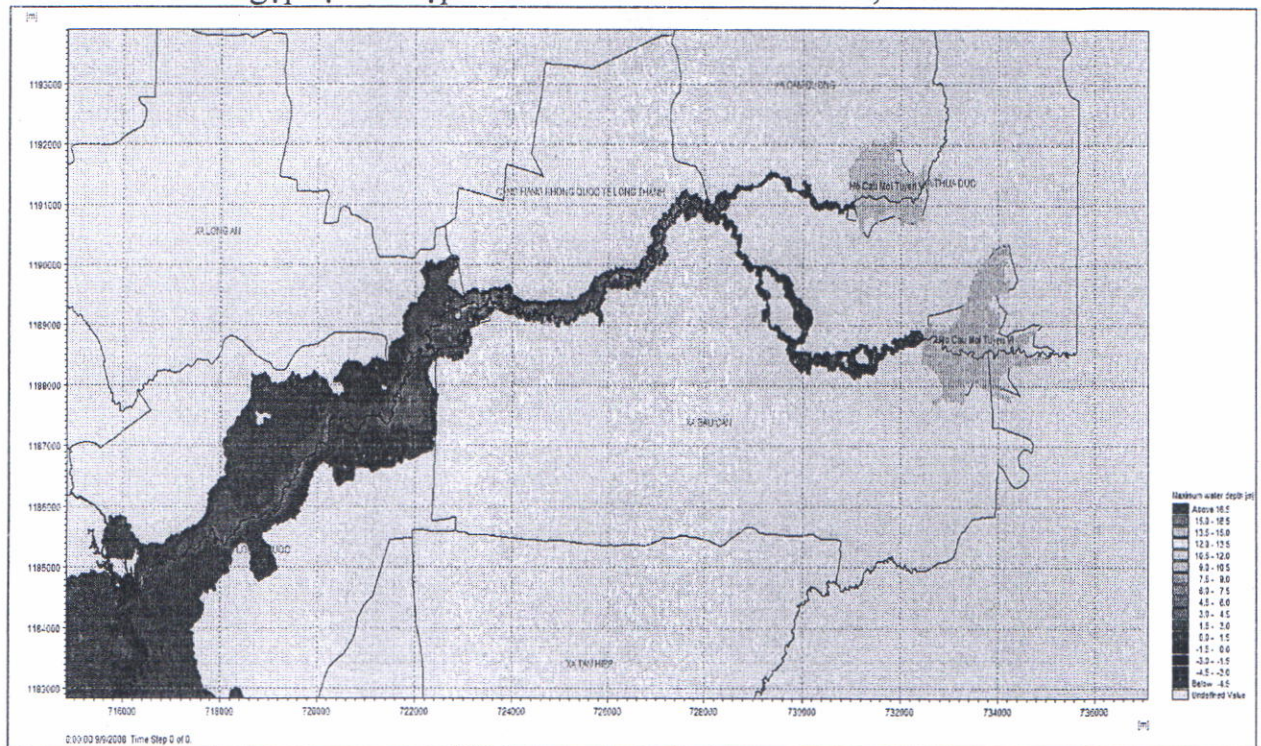
Chi tiết xem bản vẽ No: 04CD-06-04-05.

5. Bản đồ ngập lụt vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,5%.



Chi tiết xem bản vẽ No: 04CD-06-04-07.

6. Bản đồ ngập lụt vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,5%.



Chi tiết xem bản vẽ No: 04CD-06-04-09.

7. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản xả lũ thiết kế tần suất 1,5%

8. Được thể hiện trong bản vẽ No: 04CD-06-04-02.

9. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%.

10. Được thể hiện trong bản vẽ No: 04CD-06-04-04.

11. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản vỡ đập ngày nắng.
12. Được thể hiện trong bản vẽ No: 04CD-06-04-06.
13. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,5%.
14. Được thể hiện trong bản vẽ No: 04CD-06-04-08.
15. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,5%
16. Được thể hiện trong bản vẽ No: 04CD-06-04-10.

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số: 3191 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP VỚI CÁC KỊCH BẢN ỨNG PHÓ KHẨN CẤP HỒ CÀU MỚI TUYẾN V

Bảng PL2.1: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,50%

Xã	Diện tích ngập (ha)						
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	Tổng
Cẩm Đường, huyện Long Thành	1,6	0,6	0,2	0,2	0,1	0,1	2,8
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	9,1	5,3	2,3	1,3	0,6	0,8	19,3
Cảng hàng không quốc tế Long Thành	10,7	8,3	8,3	8,6	6,5	8	50,4
Bàu Cạn, huyện Long Thành	25,4	17,6	10,9	8	6,5	8,1	76,5
Long An, huyện Long Thành	9	4	3,7	3,2	2,7	2	24,5
Long Phước, huyện Long Thành	59,1	34,4	31,8	20,4	11,9	16,2	173,9
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	1,2	0,6	0	0	0	0	1,7

Bảng PL2.2: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

Xã	Diện tích ngập (ha)						
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	Tổng
Cẩm Đường, huyện Long Thành	1,9	0,8	0,3	0,2	0,1	0,1	3,4
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	9,2	5,4	2,3	1,3	0,6	0,8	19,7
Cảng hàng không quốc tế Long Thành	10,8	9,5	8,5	8,9	7,9	8,7	54,3
Bàu Cạn, huyện Long Thành	25,5	17,8	11	8	6,6	10	78,9
Long An, huyện Long Thành	11,8	4,4	3,9	3,3	3	3	29,4
Long Phước, huyện Long Thành	60,9	35,4	34,8	32,4	14,8	19,4	197,6
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	1,2	0,6	0	0	0	0	1,7

Bảng PL2.3: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng

Xã	Diện tích ngập (ha)						
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	Tổng
Cẩm Đường, huyện Long Thành	3,2	2,5	1,9	1,5	0,8	0,7	10,6
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	10,4	6,7	3,4	1,7	0,9	1	24,1
Cảng hàng không quốc tế Long Thành	11,1	11,1	10,7	9,5	9,4	41,4	93,2

Xã	Diện tích ngập (ha)						
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	Tổng
Bàu Cạn, huyện Long Thành	25,7	18,8	12,3	8,2	6,2	26,9	98,1
Long An, huyện Long Thành	12	12,3	10,9	21,5	5,3	17	79
Long Phước, huyện Long Thành	213,8	106,1	80,2	55,4	33,1	95,7	584,3
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	15,2	3,2	1,3	0,6	0	0	20,3

Bảng PL2.4: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,50%

Xã	Diện tích ngập (ha)						
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	Tổng
Cẩm Đường, huyện Long Thành	4,3	3	2,3	2,1	1,6	1,80	15
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	11,1	7,2	3,7	2,3	1,2	1,5	27
Cảng hàng không quốc tế Long Thành	11,2	11,7	10,8	10,6	9,5	50,7	104,5
Bàu Cạn, huyện Long Thành	25,8	19,6	13,2	12,3	6,6	32	109,5
Long An, huyện Long Thành	15,8	13,3	23,8	25,8	6,4	17,8	102,8
Long Phước, huyện Long Thành	306,5	130,3	88,9	67,6	52,4	116,6	762,4
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	15,8	3,6	1,3	0,7	0	0	21,5

Bảng PL2.5: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,50%

Xã	Diện tích ngập (ha)						
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	Tổng
Cẩm Đường, huyện Long Thành	4,5	3,1	2,4	2,1	1,6	1,8	15,5
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	11,3	7,3	3,8	2,4	1,2	1,9	27,8
Cảng hàng không quốc tế Long Thành	11,2	11,8	10,8	10,6	9,6	51,4	105,4
Bàu Cạn, huyện Long Thành	25,9	19,9	13,4	12,9	6,6	32,3	110,9
Long An, huyện Long Thành	16,1	13,3	24,2	27,3	6,5	18	105,5
Long Phước, huyện Long Thành	306,9	131,8	89,9	68,7	52,6	118,8	768,6
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	16,5	3,9	1,4	0,8	0	0	22,6



Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số: 31/G1 /QĐ-UBND ngày 24 tháng Năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

VỊ TRÍ AN TOÀN VÀ HƯỚNG SƠ TÁN; PHƯƠNG TIỆN DI DỜI NGƯỜI VÀ TÀI SẢN KHI CÓ LŨ LỚN

TT	Địa phận	Số hộ dân ngập (Hộ dân) /Kịch bản					Vùng di dời tránh lũ	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời
		KB1: Lũ thiết kế	KB2: Lũ kiểm tra	KB3: Vỡ đập do xói ngầm	KB4: Vỡ đập + Lũ thiết kế	KB5: Vỡ đập + Lũ thiết kế			
1	Xã Thừa Đức	102	103	112	113	113	Vùng 2	Trường Tiểu học Thừa Đức; Áp 8, Thừa Đức, Cẩm Mỹ, Đồng Nai	Đường nội thị
2	Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành	144	144	170	176	177	Vùng 1	Công ty CP cấp nước Hồ Cầu Mới; Áp 8, Bàu Cạn, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
3	Xã Cẩm Đường	5	5	13	17	17	Vùng 3	Trường THCS Tân Thành; Đường Số 5, Bàu Cạn, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
4	Cảng hàng không quốc tế Long Thành	76	77	140	154	154	Vùng 2a	Trường THCS Cẩm Đường; Cẩm Đường, Long Thành, Đồng Nai,	Đường nội thị
							Vùng 4	Nội vùng của Cảng hàng không quốc tế Long Thành.	Đường nội thị

TT	Địa phận	Số hộ dân ngập (Hộ dân) / Kịch bản					Vùng di dời tránh lũ	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời
		KB1: Lũ thiết kế	KB2: Lũ kiểm tra	KB3: Vỡ đập do xói ngầm	KB4: Vỡ đập + Lũ thiết kế	KB5: Vỡ đập + Lũ thiết kế			
5	Xã Long An, huyện Long Thành	38	46	64	65	65	Vùng 6	Trường Tiểu Học Long Phước; QL51, Long Phước, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
6	Xã Long Phước, huyện Long Thành	266	326	1340	1895	1911	Vùng 5	UBND xã Long Phước; 1403 QL51, Long Phước, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
7	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	3	3	63	63	63	Vùng 6	Trường Tiểu Học Long Phước; QL51, Long Phước, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
	Tổng	634	704	1902	2483	2500			



Phụ lục IV

(Kèm theo Quyết định số: 3111 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG NHÂN LỰC, PHƯƠNG TIỆN, MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Bảng PL4.1: Dự phòng lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ công tác PCTT – TKCN

STT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị chủ trì
1	Thuốc phục vụ phòng chống lụt bão (cơ sở)	Cơ sở	30	Sở Y tế
2	Thuốc gia đình	Cơ sở	300	
3	Thuốc chống dịch	Cơ sở	300	
4	Thuốc clomin B	Kg	100	
5	Vật tư y tế cho tuyến tỉnh	Cơ sở	4	
6	Vật tư y tế cho tuyến huyện	Cơ sở	2	
7	Vật tư y tế cho tuyến xã	Cơ sở	5	
8	Hóa chất vệ sinh môi trường	Lít	200	
9	Mỳ ăn liền	Thùng	5.000	Sở Công Thương
10	Lương khô	Thùng	90	
11	Gạo	Tấn	150	
12	Nước uống đóng chai	Thùng	1.000	
13	Các mặt hàng lương thực thực phẩm khác	Tấn	50	
14	Xăng	Lít	5.000	
15	Dầu	Lít	5.000	

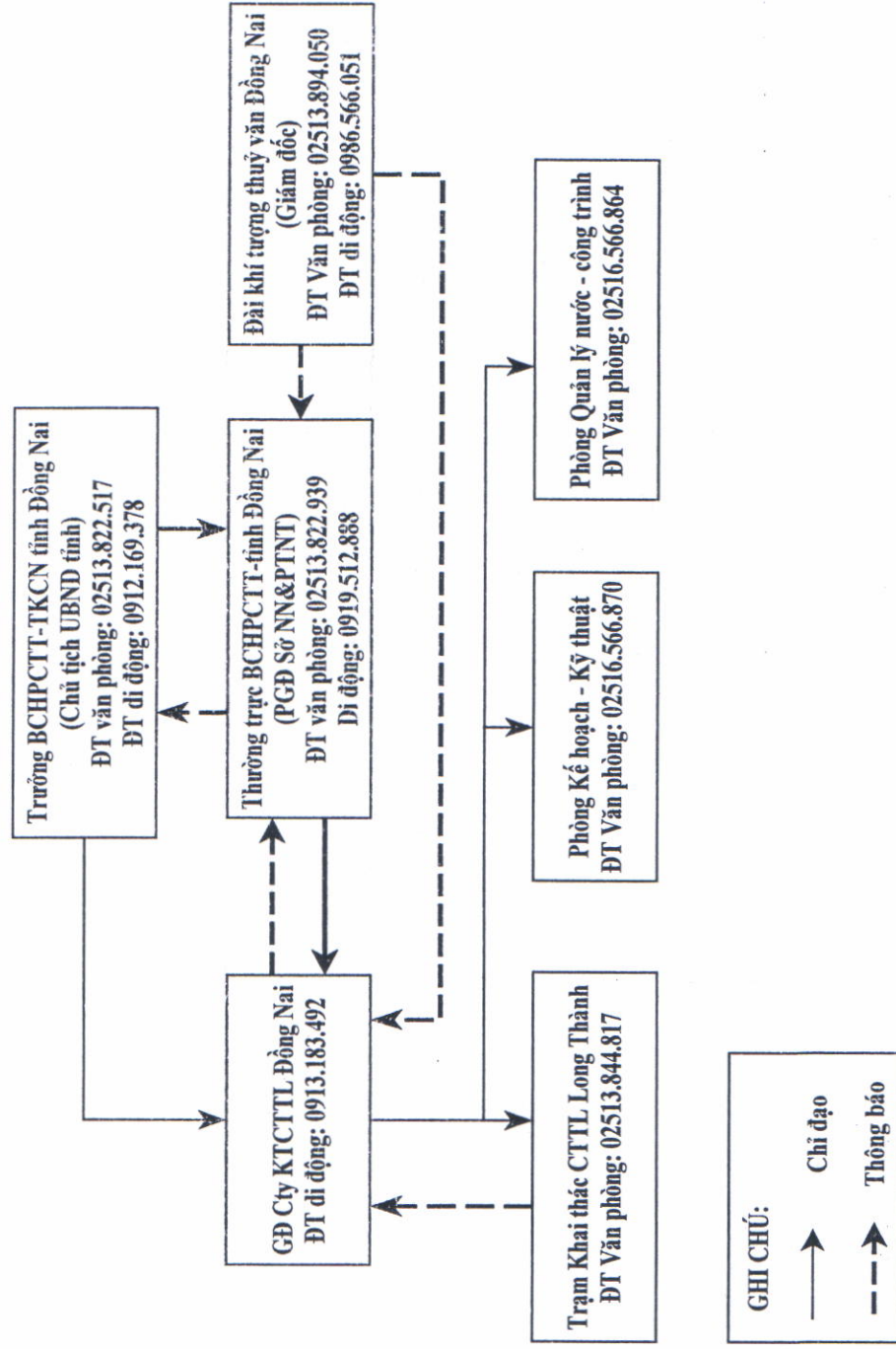
Bảng PL4.2: Dự phòng phương tiện phục vụ di tản

STT	Kịch bản	Xe máy (Chiếc)	Ôtô 15 chỗ (Chiếc)
1	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5%	300	30
2	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%	350	35
3	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngay nắng	950	90
4	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,5%	1.200	120
5	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,5%	1.250	125

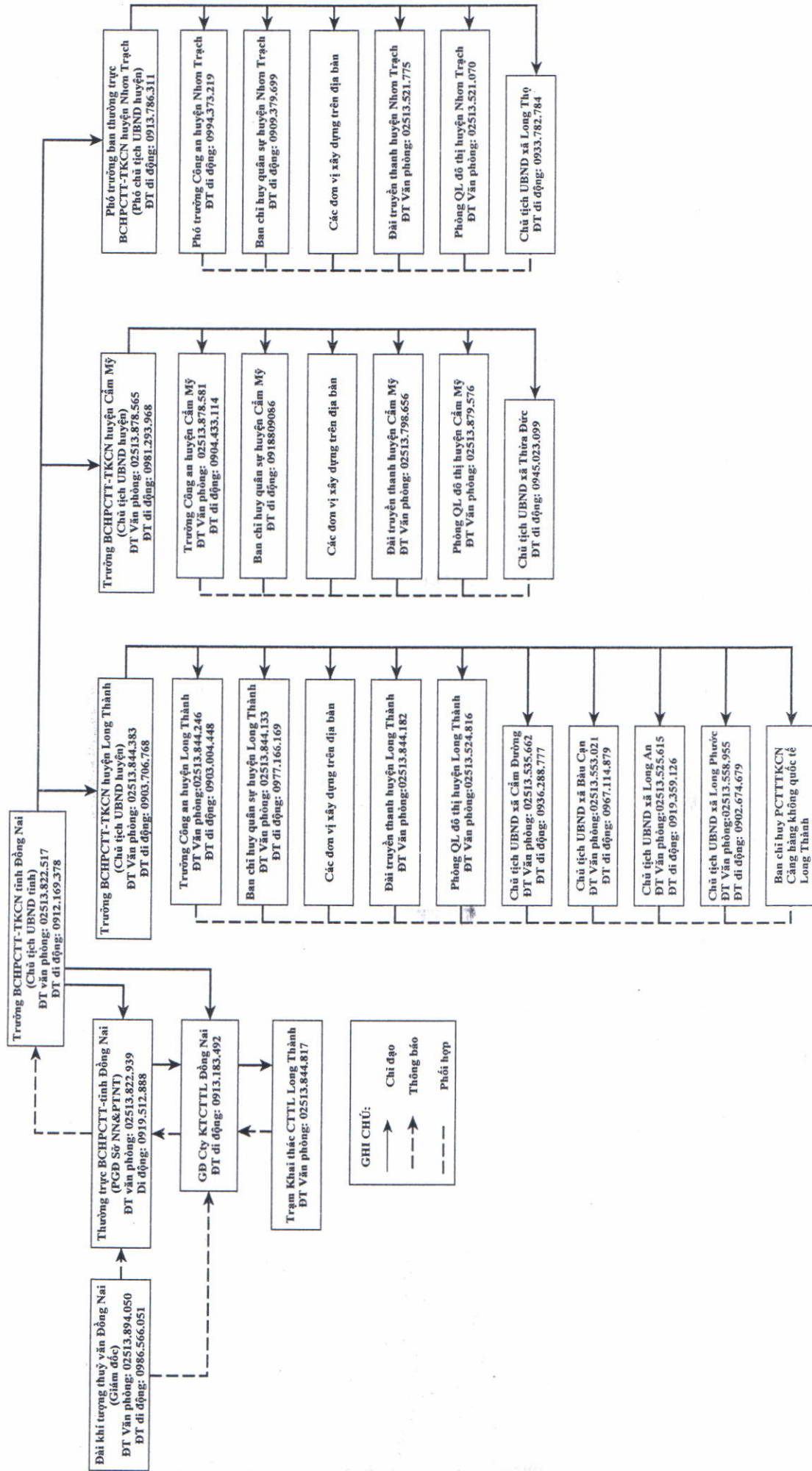


/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

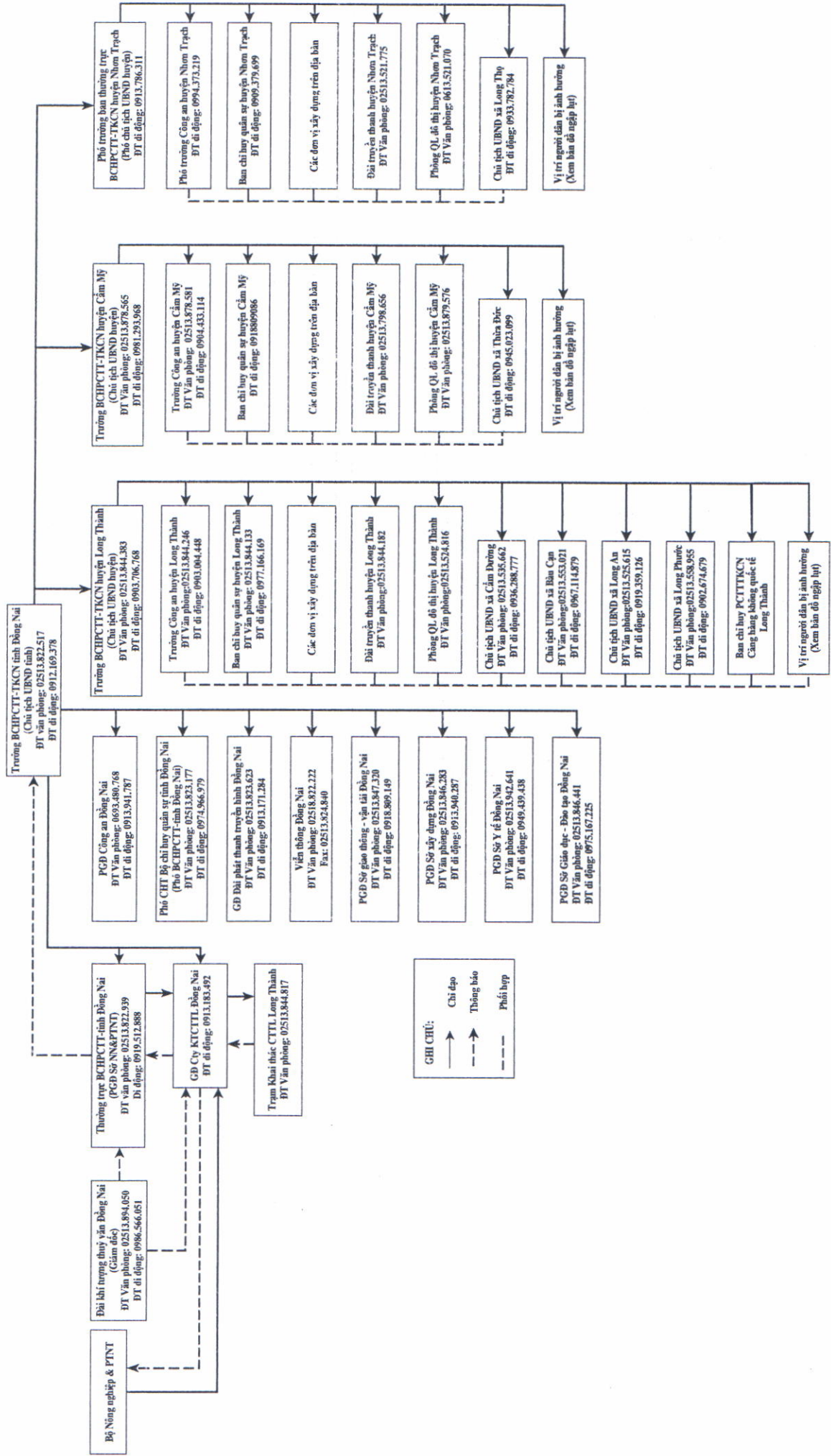
Sơ đồ 5.1: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 1 (Đề phòng)



Sơ đồ 5.2: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 2 (Sẵn sàng)



Sơ đồ 5.3: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 3 (hành động khẩn cấp)



Sơ đồ 5.4: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 4 (vỡ đập hoặc lũ lớn và phương án di tản)

